

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI ĐẠI QUANG LONG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI ĐẠI QUANG LONG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DAI QUANG LONG TRANSPORT SERVICE AND TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108037326

**3. Ngày thành lập:** 26/10/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 23 tổ 58 xóm Mới, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0915540450

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4931     |
| 2.  | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4932     |
| 3.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4652     |
| 4.  | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan<br>Chi tiết: Dịch vụ xử lý dữ liệu và các hoạt động có liên quan như: hoạt động cho thuê riêng như cho thuê trang Web, dịch vụ truyền suốt hoặc cho thuê ứng dụng, cung cấp các dịch vụ ứng dụng thiết bị mainframe phân thời cho khách hàng. Hoạt động xử lý dữ liệu bao gồm xử lý hoàn chỉnh và báo cáo các kết quả đầu ra cụ thể từ các dữ liệu do khách hàng cung cấp hoặc nhập tin và xử lý dữ liệu tự động | 6311     |
| 5.  | Cổng thông tin<br>Chi tiết: Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội, website thương mại điện tử, bán hàng, website khuyến mại trực tuyến, sàn giao dịch thương mại điện tử (chỉ được phép kinh doanh khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép)<br>( Trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                       | 6312     |
| 6.  | Hoạt động thông tấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 6321     |
| 7.  | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; - Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí; - Các dịch vụ cắt xén thông tin, báo chí, v.v...                                                                                                                                                                                                                                         | 6329     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 8.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán vé máy bay<br>- Gửi hàng;<br>- Giao nhận hàng hóa;<br>- Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;<br>- Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hoá<br>- Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa | 5229(Chính) |
| 9.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4933        |
| 10. | Vận tải hàng hóa đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4912        |
| 11. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa<br>Chi tiết:<br>- Vận tải hàng hóa đường sông, hồ, kênh, rạch bằng tàu và phương tiện cơ giới khác (thuyền, ghe, xuồng có gắn động cơ).<br><br>- Vận tải hàng hóa đường sông, hồ, kênh, rạch, bằng phương tiện thô sơ: thuyền, ghe, xuồng không gắn động cơ.                                                                               | 5022        |
| 12. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5210        |
| 13. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5221        |
| 14. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5222        |
| 15. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5224        |
| 16. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4651        |
| 17. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 6201        |
| 18. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 6202        |
| 19. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và máy vi tính khác chưa được phân loại vào đâu như: khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm                                                                                                                               | 6209        |
| 20. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4741        |
| 21. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 9511        |
| 22. | Sửa chữa thiết bị liên lạc<br>Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị liên lạc như:<br>- Điện thoại cố định;<br>- Điện thoại di động;                                                                                                                                                                                                                                 | 9512        |

|     |                                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 23. | Đại lý, môi giới, đầu giá<br>Chi tiết: Đại lý kinh doanh hàng hóa viễn thông chuyên dùng (không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài) | 4610 |
| 24. | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết: Dịch vụ viễn thông cơ bản, Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng, không gắn với thiết lập hạ tầng mạng                                                     | 6190 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Ho và tên: **TRẦN ĐỨC THẮNG**

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 26/07/1984

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 111822242

Ngày cấp: 29/12/2008

Nơi cấp: Công an Thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 23 tổ 58 xóm Mới, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: Số 23 tổ 58 xóm Mới, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Ho và tên: **TRẦN ĐỨC THẮNG**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 26/07/1984

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 111822242

Ngày cấp: 29/12/2008

Nơi cấp: Công an Thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 23 tổ 58 xóm Mới, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 23 tổ 58 xóm Mới, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội